

## TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG TRONG SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ RUỘNG NƯỚC CỦA NGƯỜI SÁN DÌU Ở HUYỆN SON DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

NGUYỄN THẨM THU HÀ

Tri thức địa phương là nguồn tài nguyên quốc gia quan trọng, có thể giúp ích rất nhiều cho quá trình phát triển theo những phương sách ít tốn kém, có sự tham gia của người dân và đạt được sự bền vững. Tri thức này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với các nhà khoa học, nhà lập kế hoạch. Nó có thể được xem xét và so sánh với hệ thống kiến thức quốc tế, từ đó để xác định những khía cạnh bổ ích của hệ thống, cũng như những khía cạnh còn có thể cải tiến thông qua các kỹ thuật, công nghệ dựa trên cơ sở khoa học hiện đại (Lê Trọng Cúc, 1996, tr. 25). Kho tàng tri thức này ngày càng được bồi đắp và đóng một vai trò quan trọng không thể thiếu trong đời sống của tộc người, nhất là trong xã hội truyền thống. Do đó, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này ở Việt Nam, cả trong khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Tuy nhiên, các nghiên cứu ấy chủ yếu tập trung vào các kinh nghiệm của các tộc người vùng núi cao hoặc vùng đồng bằng, thung lũng mà chưa quan tâm nhiều đến tri thức của các tộc người vùng trung du, điển hình là người Sán Dìu. Dưới góc độ dân tộc học, trong những năm qua, số lượng các công trình nghiên cứu về người Sán Dìu đã tăng lên đáng kể và nội dung nghiên cứu của những công trình này cũng phong phú hơn, như: địa bàn cư trú, tổ

chức xã hội, phong tục tập quán và đặc điểm văn hoá... (Viện Dân tộc, 1978; Ma Khánh Bằng, 1983; Diệp Trung Bình, 2005, 2008; Ngô Xuân Trụ, 2003; Nguyễn Xuân Cẩn, 2003; Ninh Văn Độ, 2003, 2007; Nguyễn Thị Quế Loan, 2008; Nguyễn Ngọc Thanh, 2011...); trong khi đó, tri thức địa phương chỉ là một phần nội dung rất nhỏ trong tổng thể bức tranh về tộc người. Vấn đề tri thức địa phương nằm rải rác, xen kẽ ở đâu đó như là tiền đề nhằm định hình một nền văn hóa cho tộc người. Có thể nói, hiện vẫn chưa có công trình nào đề cập một cách hệ thống và chi tiết để làm nổi bật giá trị của tri thức địa phương của người Sán Dìu ở Việt Nam nói chung, tỉnh Tuyên Quang nói riêng, nhất là trong lĩnh vực sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất, trong đó có ruộng nước.

Cũng như quan niệm “*tấc đất tấc vàng*” của người Việt, người Sán Dìu luôn coi đất là tư liệu sản xuất có giá trị nhất vì nó quyết định sự sinh tồn và no ấm của cộng đồng. Họ thường phân chia đất thành nhiều loại, có thể theo mục đích sử dụng, chất đất, địa hình... Dù những hiểu biết này không được xây dựng trên các phân tích khoa học, nhưng chúng dựa trên cơ sở kinh nghiệm tộc người và đã phát huy rất nhiều tác dụng trong điều kiện môi sinh của họ. Với sự cần cù, chịu khó, ham học hỏi, những kinh

nghiệm được đúc rút từ thực tế đã giúp cho đồng bào Sán Dìu trụ vững trên mảnh đất cần cỗi, bạc màu của miền núi trung du (Ngô Xuân Trụ và Nguyễn Xuân Cần, 2003, tr. 92). Bài viết này giới thiệu những tri thức trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên ruộng nước của người Sán Dìu ở huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ở cộng đồng người Sán Dìu, ruộng nước đóng vai trò rất quan trọng trong cơ cấu đất nông nghiệp của cộng đồng và hộ gia đình, góp phần đáng kể trong đảm bảo nguồn lương thực chính cho hộ đồng thời hỗ trợ cho phát triển chăn nuôi. Hơn nữa, so với các loại đất khác, đất ruộng dễ làm hơn, đồng thời nghiên cứu những tri thức trong trồng trọt trên đất ruộng cũng phản ánh nhiều nét văn hóa đặc sắc của người Sán Dìu nơi đây.

## 1. Khái quát chung về người Sán Dìu ở huyện Sơn Dương

Theo kết quả của Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang năm 2009, dân số của người Sán Dìu là 12.565 người. Trong đó, người Sán Dìu tập trung chủ yếu ở huyện Sơn Dương (12.367 người), rải rác ở thành phố Tuyên Quang (77 người) và một số huyện khác: Yên Sơn (70 người), Hàm Yên (29 người), Chiêm Hóa (18 người) và Na Hang (4 người).

Huyện Sơn Dương thuộc vùng đệm Vườn Quốc gia Tam Đảo, gồm 33 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có một thị trấn, với tổng diện tích đạt 788km<sup>2</sup> và tổng dân số là 179.846 người. Nơi đây có 19 dân tộc cùng sinh sống, trong đó, người Sán Dìu chiếm 6,88% tổng số dân, đứng thứ 4, sau người Kinh, Sán Chay và Tày. Người Sán Dìu cư trú rải rác ở 16/33 xã nhưng tụ cư

đồng nhất ở 3 xã: Ninh Lai (5.322 người), Sơn Nam (3.342 người) và Thiện Kế (3.024 người). Họ sống đan xen với các dân tộc khác trong vùng. Với bản tính ôn hòa và chăm chỉ, họ luôn đoàn kết và giúp đỡ nhau trong lao động sản xuất và sinh hoạt hàng ngày.

Người Sán Dìu ở huyện Sơn Dương có khoảng 90% dân số sống bằng nông nghiệp. Trong đó, ruộng nước (bao gồm ruộng bằng và ruộng bậc thang) chiếm tỷ trọng đáng kể, góp phần cung cấp lương thực, thực phẩm và xóa đói giảm nghèo cho đồng bào.

## 2. Tri thức địa phương của người Sán Dìu trong sử dụng ruộng nước

### 2.1. Tri thức chọn đất

Chọn đất và phân loại đất là khâu đầu tiên trong chu kỳ sản xuất, đóng vai trò quan trọng trong việc phân bố cơ cấu cũng như ảnh hưởng tới năng suất cây trồng. Mặc dù việc phân loại đất của đồng bào dân tộc thiểu số chỉ dựa trên quan sát trực tiếp mang tính chất đơn giản, dễ thực hiện nhưng đối chiếu với kiến thức khoa học có nhiều điểm tương đồng (Nguyễn Xuân Hồng, 2003, tr. 6). Thông qua đó, đồng bào tạo mối liên hệ giữa đất và cây trồng sao cho cây trồng phù hợp với từng loại đất cụ thể để cho hiệu quả tốt nhất. Việc chọn đất và phân loại đất đã tối ưu hóa mục đích sử dụng của từng loại đất [Nguyễn Ngọc Thanh và Trần Hồng Thu (Chủ biên), 2009, tr. 40]. Cũng như các dân tộc anh em khác, cơ sở để đồng bào Sán Dìu tiến hành chọn đất, phân loại đất chủ yếu dựa vào quan sát về màu sắc, tính chất, hệ thực vật và đặc biệt dựa trên sự so sánh về sự tăng trưởng của cây trồng ở từng loại đất khác nhau (xem Bảng 1).

Bảng 1. Cách phân loại đất của người Sán Dìu

Đặc điểm, tính chất	Đất tốt	Đất xấu
Thảm thực vật	Cây lâu năm, mọc xanh tốt	Cây cằn cỗi, úa vàng
Màu sắc	Đất có màu đen hoặc nâu đen	Đất màu trắng hoặc bạc màu
Tính chất	Đất tơi xốp, ẩm ướt, giữ nước tốt	Đất khô rời, lẫn đá sỏi, giữ nước kém
Hệ cây trồng	Sinh trưởng nhanh	Sinh trưởng kém
Đặc điểm khác	Có phân giun hoặc lớp mùn	Ít mùn, không có phân giun

*Nguồn:* Tư liệu thu thập được tại địa bàn nghiên cứu qua phỏng vấn sâu năm 2014.

Ngoài ra, để xác định độ ẩm và kết cấu thổ nhưỡng, bên cạnh quan sát bằng thị giác như đã đề cập ở trên, người Sán Dìu còn kiểm tra đất bằng cách dùng con dao cắm xuống đất, rồi rút lên và thấy dính đất ở dao thì đất đó có độ ẩm cao và có thể gieo trồng các loại cây màu ít chịu khô như rau, đậu hay một số giống lúa tẻ.

### 2.2. Tri thức làm đất

Theo kinh nghiệm dân gian của người Sán Dìu, kể từ khi chọn được đất để làm ruộng cũng phải mất 2 - 3 năm cày, bừa, bón phân nhằm tạo độ xốp, độ phì cho đất. Đối với từng loại ruộng (ruộng lúa, ruộng mạ), người Sán Dìu áp dụng những cách làm đất khác nhau để làm tăng chất màu cho đất, nâng cao năng suất cây trồng.

*Đất ruộng mạ:* Đồng bào Sán Dìu thường dành những chân ruộng riêng để gieo mạ vì cũng giống như người Kinh, theo họ, “*khoai đất lạ, mạ đất quen*” và họ thường chọn các chân ruộng tốt nhất để làm mạ vì

họ cho rằng cây mạ tốt thì cây lúa mới phát triển và cho năng suất cao. Vì vậy, đất làm mạ phải được chọn với nhiều tiêu chí khác nhau như ruộng đó gần nguồn nước, chủ động được việc tưới tiêu, giàu mùn, màu nâu đen, tơi xốp, ít cát, khả năng giữ nước tốt, độ chua thấp. Bên cạnh đó, người Sán Dìu cũng chọn các thửa ruộng đất cao để làm mạ vì mạ sẽ phát triển nhanh, mạnh, thân cứng, dễ nhổ, ít sâu bệnh và lẫn cỏ tạp; sau khi được cấy xuống các chân ruộng thấp, cây mạ sẽ phát triển ổn định, đều và nhanh hơn. Đất gieo mạ được làm rất kỹ bằng cách cày bừa nhiều lượt cho thật nhuyễn để diệt cỏ, rồi đánh thành từng luống chừng 1,5 - 2m, có rãnh thoát nước 10 - 15cm, sâu 7 - 10cm để dễ điều chỉnh nước khi cần thiết. Khi làm đất mạ, đồng bào không bón phân vì nếu đất tốt kèm thêm phân thì cây mạ sẽ lớn phồng, sức bám đất, chịu hạn và rét kém; đồng thời, đất ruộng mạ luôn được giữ ở trạng thái se ẩm để rễ mạ khỏe; khi cấy, mạ sẽ bám đất nhanh và hút nước tốt hơn.

*Đất trồng lúa:* Người Sán Diù cũng có nhiều cách thức làm khác nhau cho từng loại đất. Cụ thể như sau: Loại ruộng lầy thụt và ruộng sâu chiếm tỷ lệ rất ít, được sử dụng để cấy 2 vụ lúa/năm. Đối với loại ruộng này, đồng bào chỉ bừa mà không cày vì loại ruộng này luôn sắn nước, lầy thụt, đất dạng bùn quánh, không thể cày được. Phương pháp làm đất chủ yếu là bừa nhiều lần để đất nhuyễn mịn, thuận lợi cho gieo trồng. Đối với loại ruộng này, sau khi gặt lúa xong, người ta thường làm đất luôn để tận dụng chân rạ làm mùn cho ruộng. Trong suốt quá trình làm đất, phải giữ nước ngập mặt ruộng. Việc dẫn nước ngấm ruộng là một kinh nghiệm dân gian đáng quý nhằm làm các gốc rạ mau phân hủy thành mùn và làm cho phân bón được trải ngấm khắp ruộng. Hiện nay, những hộ gia đình không có máy bừa thì dùng trâu bừa như cách làm truyền thống hoặc thuê máy bừa. Máy móc đã khẳng định ưu thế của chúng nhờ tính cơ động cao, hiệu quả tốt và nhanh chóng, nhưng người Sán Diù vẫn lòng ghép, áp dụng các kinh nghiệm làm đất cổ truyền vì dùng máy bừa làm đất sẽ nhanh nhưng không kỹ, sâu và tốt bằng dùng trâu bò. Theo kinh nghiệm người dân, ngay sau khi bừa lần thứ nhất cho gốc rạ đổ xuống, tốt nhất là bỏ phân bừa lần thứ hai vì lúc này phân có thời gian ủ trên ruộng, phân hòa tan trong nước và phân bố đều khắp ruộng, làm cho cây lúa phát triển đều hơn. Các loại phân chuồng, phân xanh được trộn với vôi và ủ trong vòng một tháng trước khi bón sẽ cho năng suất cao, trong khi nếu bón thẳng, không qua ủ, sẽ không tốt vì thiếu vệ sinh, tăng nguy cơ phát sinh dịch bệnh cho người và gia súc. Có thể nói, kinh nghiệm xử lý đất bằng phân chuồng, phân xanh làm màu cho đất nhưng vẫn đảm bảo sức khỏe

cho con người và vật nuôi là những tri thức rất đáng chú ý của đồng bào nơi đây. Theo lời kể của bác Mạc Phúc, thôn Hội Kế, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, từ năm 1985, do khai thác quặng Vonfram nơi đây, đất bị chua khiến người dân phải sử dụng tro than và vôi bột bón để khử chua cho ruộng; nếu không có vôi, sau khi cấy xong, thấy lán nước, người ta liền bỏ nước, để nắng mấy hôm, ruộng se cứng, lội vào thụt, rồi chờ đến khi ruộng nứt chân chim thì cho nước vào ruộng nhằm hạn chế độ chua của đất do quặng Vonfram gây ra.

Đối với các loại ruộng bậc thang, ruộng cần phải gần nguồn nước, tức là những nơi có khả năng cung cấp và tiêu thoát nước dễ dàng, có đất tốt, tầng đất sâu. Việc khai phá ruộng nước chủ yếu được tiến hành một cách thủ công, dùng trâu làm sức kéo kết hợp với cuốc. Ruộng được khai phá từ trên xuống. Thông thường, bề mặt của mỗi ruộng bậc thang rộng khoảng 4 - 6m. Sau khi tạo những khoảnh đất dưới dạng bậc thang, để đánh giá độ bằng phẳng của mặt ruộng, đồng bào Sán Diù xả nước tràn mặt đất. Những chỗ đất nhô cao lên thì sẽ được điều chỉnh thấp xuống cho bằng với những chỗ khác. Diện tích ruộng ở phía trên càng rộng càng tốt vì sẽ đảm bảo chứa và điều hòa nước cho các chân ruộng phía dưới. Càng xuống thấp, các thửa ruộng cần được chia nhỏ bằng một hệ thống bờ hợp lý, tức là chiều cao của bờ ruộng thường cao khoảng 15cm, nhưng không quá 20cm. Chiều cao như vậy đủ để giữ được một lượng nước nhất định trong mỗi thửa ruộng, lượng nước thừa sẽ tự chảy tràn xuống các khu ruộng phía dưới. Bề rộng mặt trên của bờ ruộng khoảng 20 - 30cm, đủ để mọi người có thể đi lại trên bờ mà không phải bước xuống ruộng

lúa. Bờ ruộng được đắp bằng đất nhưng phải lèn thật chặt để nó không bị đổ vỡ, sạt lở, giúp cho nước trong ruộng được lâu hơn, quá trình thấm thấu chậm hơn. Chiều cao từ thừa ruộng trên so xuống với thừa ruộng phía dưới có thể tới hàng mét, phụ thuộc chủ yếu vào độ dốc của khu đất khai phá ruộng bậc thang. Đắp bờ là một công việc vất vả, đòi hỏi kinh nghiệm và sức khỏe; do đó, người đắp bờ hầu hết là đàn ông. Sau khi thu hoạch, người Sán Dìu phơi mặt ruộng khoảng nửa tháng; khi thấy vết nứt trên ruộng, họ tiến hành cày ải và tiếp tục phơi đất thật khô, sau đó dẫn nước vào ruộng, đất khô gặp nước sẽ tơi ra rất nhanh. Đất được phơi và cày ải có tác dụng hạn chế cỏ dại và mầm mống sâu bệnh trong lòng đất, giúp đất tơi xốp. Loại ruộng này thường cấy được 1 vụ lúa/năm. Khi không còn được sử dụng để cấy lúa nước, đất này được cải tạo thành ruộng cạn để trồng hoa màu như lạc, đậu tương, ngô, khoai...

Những ruộng ở vùng đất bằng và có lượng bùn dày thì việc canh tác dễ dàng hơn. Khi cày, đồng bào cày từ phải sang trái xung quanh thừa ruộng hai lần, sau đó cày ngược trở lại, rồi đánh luống. Với cách làm này, ruộng sẽ được cày sâu hơn với thời gian ngắn hơn. Khi bừa, người Sán Dìu dùng bừa gỗ có 2 con trâu kéo và sau này dùng bừa sắt dài 12 răng, khác với bừa của người Kinh chỉ có 6 răng. Một số gia đình có trâu, bò vẫn ưa chuộng cách cày, bừa truyền thống hơn bởi đất sẽ được làm kỹ hơn so với làm bằng máy. Hiện nay, đại đa số các gia đình không có trâu, bò thì sử dụng máy cày và máy bừa cho nhanh, thuận tiện và đỡ vất vả. Tuy nhiên, việc cày, bừa bằng máy cũng có những hạn chế nhất định, đặc biệt là đối với việc làm đất ở những ruộng nhỏ; do đó,

người dân phải dùng cuốc để làm đất ở các góc ruộng hẹp. Họ bừa sát góc gọn gàng và kỹ, rồi mới bừa vào trong ruộng cho đến khi cảm giác đất dưới chân nóng lên thì mới cấy lúa. Kinh nghiệm này đã được đồng bào đúc kết thành câu ca: *Giẫm xuống đất, không nóng chân thì không cấy/ Cấy nữa chẳng qua là cấy vớt mà thôi*. Công việc cày, bừa do đàn ông đảm nhiệm vì đây được coi là công việc nặng nhọc. Để đất màu mỡ hơn, ngoài việc bừa kỹ và cày sâu khoảng 20 - 30cm, người Sán Dìu còn kết hợp bón các loại phân khác nhau. Họ cũng tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong thủy lợi, dẫn nước vào ruộng bằng cách tạo ra những mương nhỏ chạy dọc các thừa ruộng giúp cho việc làm đất và trồng trọt trở nên thuận lợi.

### **2.3. Tri thức trong chọn giống cây trồng**

Người Sán Dìu có nhiều loại giống cây trồng nên họ cũng có các cách thức chọn giống, xử lý giống khác nhau phù hợp với từng loại đất, lượng nước và mùa vụ của từng chân ruộng. Người Sán Dìu có hai giống lúa: lúa tẻ và lúa nếp. Trước đây, đồng bào sử dụng các giống lúa tám, hoa vàng, câu, bát ngoạt (lúa sớm), mộ, đặc biệt lúa ba giăng... Vì thế, người Sán Dìu mới có câu ca: *Ước gì lời nói chẳng chẳng/ Để anh gĩa gạo ba giăng anh chờ/ Chờ nàng như mận chờ mơ/ Như cam chờ quýt, như mơ chờ đào*. Các loại giống này thơm ngon, có khả năng chịu hạn tốt nhưng năng suất không cao (chỉ 70 - 80kg/sào). Do đó, hiện nay, đồng bào đã thay các giống lúa tẻ địa phương bằng các giống lúa lai như Khang dân, tạp giao, thán mãn, di hương, K18, bồi tạp, CR203, HT1, BC15... cho năng suất cao. Trong đó, Khang dân và tạp giao là hai giống lúa được ưa chuộng hơn cả, chiếm 3/4

diện tích lúa của địa phương. Những năm gần đây, họ chuyển sang trồng giống BT1 và BC15 vì chúng cho năng suất cao hơn (2,2 - 2,3 tạ/sào). Trong các loại lúa nếp, giống lúa nếp cái hoa vàng ngon nhất vì gạo thơm và dẻo hơn các loại khác. Tuy nhiên, do loại lúa nếp này sinh trưởng trong thời gian dài (150 ngày), có đặc điểm thân cao, cứng, năng suất thấp hơn so với các giống lúa hiện nay nên đồng bào ít trồng; thay vào đó, họ chuyển sang trồng nhiều loại giống lai do Nhà nước cung cấp để có năng suất cao hơn.

Người Sán Dìu trồng lúa tẻ nhiều hơn lúa nếp và giống mới nhiều hơn giống địa phương. Ưu điểm của các giống lúa mới là thời gian trồng và thu hoạch nhanh, cho năng suất cao hơn hẳn so với giống lúa truyền thống. Các dòng lúa lai chịu hạn, chịu rét khá tốt. Chất lượng gạo tuy không bằng giống truyền thống nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nhu cầu lương thực cho người dân. Việc lựa chọn những giống lúa phù hợp với từng loại đất, điều kiện tự nhiên của vùng, loại ruộng là cả một quá trình tích lũy kinh nghiệm lâu dài của người Sán Dìu.

Từ lâu, người Sán Dìu đã đúc rút được nhiều tri thức, hiểu biết về cách thức chọn và lấy giống lúa, đặc biệt là giống địa phương. Ngày nay, những tri thức ấy vẫn được sử dụng một cách triệt để. Quá trình lựa chọn và bảo quản giống cũng được người Sán Dìu tuân thủ nghiêm ngặt: Khi lúa chín, người ta ra ruộng chọn những bông lúa cao, to, nặng trĩu và đều hạt, hạt mẩy, ngắt từng bông, gom lại thành từng bó, mang về phơi trước khi thu hoạch đại trà để không bị lẫn. Đối với lúa tẻ, người ta vò hoặc tuốt hạt ra khỏi bông, sảy sạch hạt lép, phơi khô, quạt sạch,

đựng bằng bồ hay chum vại đã được chống ẩm cẩn thận. Đối với lúa nếp, đồng bào ít khi tách hạt ra khỏi bông rồi phơi cát như lúa tẻ; trái lại, họ giữ cả bông, phơi khô, sau đó bó thành từng bó nhỏ, rồi đem treo trên gác bếp hoặc xà nhà. Qua kinh nghiệm sản xuất của người Sán Dìu, giống cũ cần 1,5 - 2kg giống/sào<sup>1</sup>, giống mới mua của Nhà nước thì chỉ cần 1kg giống/sào. Ở ruộng bằng và nhiều nước, mỗi năm thường có 2 vụ lúa, các gia đình thường lấy giống dư ra để đề phòng rủi ro khi phải gieo mạ nhiều lần.

Thời gian tích trữ giống lúa cũng có sự khác nhau giữa giống lúa địa phương và giống mới. Đối với giống lúa địa phương, thời gian giữ giống kéo dài từ năm này qua năm khác, nhưng với một số giống lúa mới hiện nay (khang dân 18, T10, Nam Dương 99, thán màn, LC25, CR203, BC15), cứ sau hai vụ, người Sán Dìu lại phải đổi giống một lần để tránh nguy cơ thoái hóa giống, cây lúa phát triển không đều và mong năng suất cao hơn. Hiện nay, ngoài những giống lúa địa phương, đồng bào còn mua nhiều loại giống tại Phòng Khuyến nông huyện Sơn Dương. Để đảm bảo chất lượng hạt giống, đồng bào vẫn tuân thủ từng bước chọn giống như với giống lúa địa phương. Họ chọn giống thích hợp với đặc tính của mảnh ruộng mà họ gieo cấy. Họ lần lượt cấy các giống lúa vào các mảnh ruộng khác nhau với phương thức canh tác và chăm sóc tương tự. Sau một thời gian, họ so sánh sản lượng thu hoạch của các mảnh ruộng để xác định tính phù hợp của các giống. Sự kiểm tra này diễn ra thường xuyên. Ngoài ra, họ còn thường xuyên thay đổi giống lúa để có được năng suất cao hơn.

<sup>1</sup> 1 sào Bắc Bộ = 360m<sup>2</sup>.

#### 2.4. Tri thức trong gieo trồng

Theo thời gian, người Sán Dìu đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu trong gieo trồng. Đầu tiên là việc ủ và gieo mạ. Mạ thường được gieo ở các chân ruộng cao vì cây sẽ phát triển tốt, khi được cấy xuống các chân ruộng thấp, cây mạ phát triển ổn định, đều và nhanh hơn. Trước khi gieo mạ, đồng bào ngâm thóc trong nước ấm rồi ủ 2 - 3 ngày cho đến khi hạt thóc nảy mầm mới đem gieo. Ruộng gieo mạ được cày bừa rất kỹ, độ ẩm vừa đủ để khi gieo, hạt thóc không bị ngập sâu. Nếu ruộng quá lầy, hạt thóc gieo xuống sẽ lảng sâu, rất khó cho việc nhổ mạ sau này. Trước khi nhổ mạ, người ta tháo nước ruộng mạ và để se đất. Những năm có mưa muộn, để kịp thời vụ, đồng bào vớt bùn dưới ao, hồ đổ lên trên sân nhà, quây lại như ruộng rồi gieo thóc giống. Gieo mạ trên sân có ưu điểm là mạ sinh trưởng nhanh nên rút ngắn được thời gian gieo cấy. Trong khi gieo mạ trên các chân ruộng cao, cần 1,5 tháng để mạ tốt và có thể cấy được thì gieo mạ trên sân chỉ mất nửa tháng. Phương pháp gieo mạ trên sân tuy nhanh hơn nhưng có nhược điểm là thân mạ yếu, sau khi cấy, cây lúa phát triển chậm hơn so với mạ được gieo ở ruộng cao. Chính vì vậy, việc gieo mạ trên sân chỉ được xem là giải pháp tình thế trong quy trình sản xuất của đồng bào. Về nhổ mạ, theo đồng bào, buổi chiều là thời điểm tốt nhất, phù hợp và thuận tiện nhất cho việc cấy mạ vào hôm sau, bởi mạ đã nhổ được để qua đêm sẽ hao nước, hao đất, khi được cấy xuống, sẽ nhanh chóng bám đất, hút nước khỏe, sinh trưởng nhanh. Khi nhổ mạ, người ta nắm lấy thân mạ rồi nhổ lên theo chiều ngang, giữ bớt đất bám theo, bó thành từng bó, xén bớt ngọn để mạ sinh trưởng nhanh hơn. Mạ được cuộn thành

từng cuộn, rồi đem ra đồng để cấy. Công việc gieo mạ và nhổ mạ do cả nam và nữ đảm nhiệm.

Theo kinh nghiệm của người Sán Dìu, đối với giống lúa truyền thống, khoảng cách cấy giữa các cây lúa nếp khoảng 20cm, giữa các cây lúa tẻ khoảng 30cm thì sẽ cho năng suất cao. Còn các giống lúa mới hiện nay đều ngắn ngày. Trong thời gian sinh trưởng, lúa cũng được bón bằng các loại phân hóa học kích thích các chu kỳ phát triển của cây, cho phép khoảng cách cấy giữa các gốc lúa mới gần hơn những giống lúa địa phương, cách gốc khoảng 10 - 12cm và cách hàng khoảng 20cm. Đây là khoảng cách phù hợp cho sự sinh trưởng của cây lúa, việc làm cỏ và bón phân sau này. Trên các chân ruộng bậc thang, do thiếu nước vào mùa khô nên thường được cấy lúa một vụ, vụ còn lại trồng hoa màu. Người ta chọn cấy ở loại ruộng này những giống lúa có khả năng chịu hạn tốt.

Trước đây, công việc cấy lúa thường do phụ nữ đảm nhiệm nhưng hiện nay đàn ông cũng tham công việc này. Sở dĩ có sự thay đổi này vì người dân được các cán bộ, các đoàn thể tuyên truyền về quyền bình đẳng và quan trọng hơn cả là sự chuyển biến trong nhận thức của họ qua quá trình cộng cư với các dân tộc khác và sự thấm nhuần thông tin có được từ các phương tiện truyền thông. Điều đó đã chứng tỏ sự bình đẳng trong phân công lao động của người Sán Dìu ngày càng rõ rệt và là tín hiệu đáng mừng trong nhận thức của đồng bào.

Sự tương trợ cộng đồng trong sản xuất của người Sán Dìu khá cao. Các hộ gia đình thường cấy đổi công cho nhau để kịp mùa vụ. Tuy nhiên, hiện nay, tính tương trợ đó

chủ yếu diễn ra trong mối quan hệ anh em, họ hàng, còn trong cộng đồng làng có phần suy giảm. Nhiều gia đình đã phải đi thuê cây, cày hoặc bừa. Tiền công thuê cây là 150.000 đồng/ngày và thuê cày là 180.000 đồng/sào<sup>2</sup>.

Ngoài ra, người Sán Dìu còn có nhiều kinh nghiệm trong việc xác định thời điểm gieo trồng phù hợp, có thể dựa vào nông lịch của họ hoặc những hiện tượng của tự nhiên. Chẳng hạn, lúa đông xuân không được trồng qua “*kinh chập*” (ngày sâu nở); người Sán Dìu có câu “*Muốn ăn gạo chiêm gieo mạ tháng 9*”, tức là phải cố gắng làm cho kịp thời vụ “*nhất thì, nhì thục*”. Hoặc khi thấy quả sim và ôi chín thì đó cũng thời điểm cấy mùa; quả thị chín thì cấy lúa nếp cái hoa vàng. Ngoài ra, họ còn có một loạt các câu ca phản ánh kinh nghiệm gieo trồng, như: *Lập thu mà cấy vụ mùa/ Khác gì hương khói lên chùa cầu con* hay *Thiếu tháng giêng mất khoai/ Thiếu tháng hai mất đỗ*.

### **2.5. Tri thức trong chăm bón và thu hoạch**

Chăm sóc và thu hoạch là những công đoạn quan trọng của mùa vụ, được người dân thực hiện theo một quy trình cẩn thận để đảm bảo một vụ mùa bội thu.

*Chăm bón*: Trải qua quá trình trồng lúa lâu đời, người dân đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc chăm sóc cây lúa. Trong mỗi vụ lúa, đồng bào làm cỏ và bón thúc hai lần; lần làm cỏ thứ nhất diễn ra sau 30 - 35 ngày kể từ khi cấy. Lúc này mạ đã bén rễ và phát triển ổn định. Trong lần làm cỏ này, người Sán Dìu thường kết hợp bón

phân xanh và phân chuồng. Phân xanh được làm từ cây lạc, đỗ, đậu tương và các cây đại khác; chúng được băm nhỏ, trộn đều với phân chuồng, ủ một tháng, rồi đem bón ruộng. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, bón loại phân này không những tốt đất mà còn diệt được các loại tảo sống ký sinh trong nước, đồng thời diệt các tổ ấu trùng, trứng sâu đang phát triển trong giai đoạn này. Đợt làm cỏ thứ hai được tiến hành vào thời điểm lúa làm đòng. Trong đợt làm cỏ này, đồng bào bón thúc cho lúa bằng phân chuồng đã được ủ mục. Trước đây, việc làm cỏ ruộng được coi là công việc nhẹ nhàng và thường do phụ nữ đảm nhiệm. Nhưng hiện nay, đàn ông cũng tham gia vào công việc này. Điều này cho thấy sự gắn bó và tinh thần trách nhiệm trong công việc đồng áng của người Sán Dìu khá cao. Người Sán Dìu dùng tay hoặc cào 64a làm cỏ ruộng.

Ngoài phân xanh và phân chuồng, người Sán Dìu còn sử dụng bùn ao để cải tạo và làm giàu cho đất. Trong hơn chục năm gần đây, họ mới biết sử dụng phân hóa học và thuốc trừ sâu vào chăm sóc cây trồng. Khi lúa chuẩn bị lên đòng, lúa được bón kali và phân đạm để đón đòng: 5g đạm, 2kg kali trên 1 sào để lúa mẩy và chắc hạt; nếu bón nhiều, cây vóng, không sai hạt, do vậy, mất mùa. Trước khi gặt vài ngày, người ta tháo cạn nước để ruộng khô cho dễ gặt và vận chuyển.

*Thu hoạch*: Dụng cụ để thu hoạch lúa có *văng, hái nhất*, gần đây là liềm. Trước kia, sau khi gặt xong, đồng bào thường dùng quang gánh hoặc đòn xỏ trực tiếp vào hai bó lúa đã được buộc chặt và gánh về nhà; tiếp sau, đồng bào đã sáng tạo ra xe quệt, tuy thô sơ nhưng lại được sử dụng như một thứ xe vận năng (Ngô Văn Trụ và Nguyễn Xuân

<sup>2</sup> Đơn giá tính năm 2014 (theo ông Thăng Văn Nhất, Trưởng thôn Cây Đa 1, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).

Cần, 2003). Nhờ đó, họ không phải mang vác vất vả như nhiều dân tộc khác. Sau này, họ đã dùng xe trâu, xe công nông, máy kéo... để vận chuyển lúa về nhà, cũng có gia đình tuốt lúa ngay tại đồng. Trước đây, người Sán Dìu dùng chân hoặc trục lăn bằng đá để vò, đập lúa; nay, họ sử dụng máy tuốt để tách hạt ra khỏi bông. Sau đó, hạt lúa được đem phơi, sấy sạch và cho vào bao để bảo quản. Thông thường, người dân nắm một nắm thóc vào tay hay cắn hạt thóc để đoán định độ khô, sau đó mới quyết định việc bảo quản. Việc gặt lúa thường do phụ nữ làm trong khi chuyên chở là công việc của đàn ông.

Tính tương trợ trong thu hoạch của cộng đồng người Sán Dìu khá cao. Nếu gia đình này thiếu nhân lực thì gia đình kia sẽ giúp đỡ và ngược lại. Trong những năm gần đây, nhiều gia đình không có lao động để đổi công nên họ trả tiền cho người đến gặt hộ.

### **3. Tri thức địa phương của người Sán Dìu trong bảo vệ ruộng nước**

Sử dụng và bảo vệ tài nguyên được thực hiện một cách song hành; điều này đã được đồng bào nhận thức rõ và đặc biệt chú trọng trong sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, ngoài kinh nghiệm canh tác ruộng nước, người Sán Dìu cũng tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong bảo vệ nguồn tài nguyên này.

Trước đây, các làng của người Sán Dìu được hình thành chủ yếu từ một vài gia đình đến khai phá vùng đất mới và dần dần thu hút dân từ nơi khác tụ về sinh sống. Ai đến trước thì chọn được những mảnh đất tốt và gần nơi cư trú, ai đến sau thì phải canh tác trên những mảnh đất xấu và xa hơn. Đất đai ở đây được tận dụng khai phá thành những

chân ruộng trồng lúa, từ ruộng bậc thang đến ruộng trũng, từ ruộng tốt nhất đến ruộng xấu nhất, không gia đình nào được phép tranh chấp đất của những người đến trước.

Theo quy ước, các bờ thửa cách ngăn giữa ruộng của gia đình này và gia đình khác không chỉ có chức năng bảo vệ diện tích, giữ nước và tiêu nước mà còn là ranh giới khẳng định chủ quyền của mỗi nhà. Vì thế, việc đào cuốc bờ ruộng nhà khác là một hành động xâm phạm đất đai. Nếu hai gia đình chung nhau một bờ ruộng, hàng năm và hàng vụ, cả hai gia đình phải có trách nhiệm cùng bảo vệ và tu sửa bờ ruộng. Các gia đình trong làng, xóm không được xâm phạm phần đất ruộng của nhau, không được phá bờ ruộng của nhau. Như vậy, có thể thấy, luật tục được xem là cơ chế hữu hiệu để bảo vệ tự nhiên và cũng là cách ứng xử công bằng và nhân văn đối với tự nhiên của các cộng đồng (Ngô Đức Thịnh, 1999).

Ngoài diện tích đất ruộng thuộc sự quản lý của từng gia đình, mỗi làng còn có một thửa ruộng thuộc sự quản lý chung của làng, được gọi là ruộng công. Do đó, không ai có quyền sử dụng hoa lợi thu được từ thửa ruộng này làm của riêng; sản phẩm thu hoạch được dành vào việc làng trong những dịp hội làng, tết Nguyên Đán, lễ cúng cơm mới...

Việc sử dụng và quản lý ruộng nước trực tiếp diễn ra tại các gia đình. Sau khi các gia đình canh tác lâu dài trên mảnh đất đó, họ có quyền cầm cố, chuyển nhượng hay cho con cái thừa kế. Người Sán Dìu theo chế độ phụ quyền; do vậy, khi cha mẹ mất, tài sản gia đình thuộc về các con trai, trong đó có ruộng đất, con gái không được chia ruộng

(trừ trường hợp gia đình không có con trai thì mới chia cho con gái). Việc chỉ chia quyền thừa kế ruộng nước cho con trai cũng là cách giữ ruộng của gia đình và dòng họ, để ruộng không bị san sẻ cho các gia đình và dòng họ khác, nhất là những gia đình ngoài làng.

Những năm 60 của thế kỷ XX, với sự ra đời của các hợp tác xã nông nghiệp, toàn bộ ruộng nước được quốc hữu hóa và do tập thể quản lý; người dân trở thành người làm công ăn lương. Việc biến ruộng nước thành ruộng công dưới sự quản lý của hợp tác xã đã phá vỡ các cách thức quản lý ruộng đất truyền thống của người dân và không mang lại hiệu quả kinh tế vì không phát huy được hết khả năng lao động và không tận dụng được những kiến thức, kinh nghiệm sản xuất của người Sán Dìu. Hợp tác xã Ninh Lai, Thiện Kế hay Sơn Nam cũng như các hợp tác xã khác của cả nước trong giai đoạn này đều trải qua nhiều đợt nhập vào rồi lại tách ra, chứng tỏ hoạt động kinh tế tập thể như vậy tất yếu không phù hợp. Điều này đã đưa đến những cải cách về chính sách quản lý đất đai của nước ta từ năm 1986 đến nay như chính sách Khoán 10, Luật Đất đai (1993, 2001, 2003), Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (2004). Các chính sách này trao quyền quản lý và chủ động sử dụng đất cho người dân từ việc đầu tư cây giống, phân bón, chăm sóc, thâm canh tăng vụ, đổi mới cây trồng..., góp phần nâng cao tính tự chủ và phát huy nội lực trong sản xuất của người dân. Theo đó, người Sán Dìu có điều kiện ứng dụng các kiến thức và kinh nghiệm của mình, kết hợp với những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất và thực tế mang lại hiệu quả kinh tế cao.

#### 4. Một số phong tục tập quán liên quan đến sử dụng và bảo vệ ruộng nước

Cũng như nhiều dân tộc khác, người Sán Dìu tin rằng, có nhiều thế lực siêu nhiên ảnh hưởng đến sản xuất và mùa màng của họ. Do đó, trong quá trình sản xuất, họ luôn tuân thủ chặt chẽ các kiêng cử và các nghi lễ kèm theo với niềm tin rằng họ sẽ làm vừa lòng các thần linh và có được một mùa vụ bội thu. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, những phong tục tập quán ấy ngày càng bị mai một dần. Mặc dù vậy, cho đến nay, người Sán Dìu ở Tuyên Quang vẫn giữ được một số phong tục tập quán về sử dụng và bảo vệ ruộng nước. Cụ thể như sau:

- *Lễ cúng hạ điền*: Sau khi chọn xong đất, người ta tiến hành cúng trên ruộng với lễ vật gồm 1 con gà và đĩa xôi. Do là cúng nô, tùy tâm mỗi người nên ai cúng cũng được. Lễ này hàm ý xin phép thổ công chứng giám cho lòng thành của người chủ gieo hạt trên ruộng này, xin phù trợ cho mùa màng bội thu: “*Năm nay là năm cầu mùa/ Cầu cho lúa tốt mạ lên/ Già mạnh khỏe, trẻ bình yên*”.

- *Lễ chọn ngày để cấy lúa*: Đồng bào Sán Dìu thường chọn ngày tốt<sup>3</sup> để cấy lúa, mở đầu cho một mùa vụ. Nếu ruộng chưa được chuẩn bị xong, việc cấy lấy ngày tốt vẫn phải được tiến hành bằng cách làm đất ở một diện tích nhỏ rồi cấy tượng trưng một số khóm nào đó. Việc chọn ngày tốt để cấy lúa là do từng gia đình thực hiện, thường liên quan đến tuổi của ông chủ nhà.

- *Xem bói để chọn giống cây trồng*: Đêm 30 Tết Nguyên đán, đồng bào có tục xem bói để chọn giống lúa trồng cho vụ cấy

<sup>3</sup> Các ngày được người Sán Dìu sử dụng trong nông nghiệp và thực hành nghi lễ đều căn cứ theo Âm lịch.

sau tết. Cách xem bói như sau: quét sạch cửa bếp gần chỗ đun nấu, thả xuống đất một số hạt giống lúa, ngô, đậu, mỗi loại để vài hạt thành nhóm rồi lấy bát úp lại; sáng mùng 1 tết, lật bát lên xem, nếu nhóm nào hạt tán ra thì sẽ chọn nhóm đó vì người Sán Dìu tin rằng Táo quân đã chỉ cho họ nên trồng loại giống đó.

- *Lễ rửa cày, bừa*: Trước đây, người Sán Dìu có lễ rửa cày, bừa, được chọn vào các ngày Giáp Tý và Quý Mão. Bên cạnh đó, những ngày 5, 14, 23 cũng bị coi là ngày xấu nên sẽ không được chọn để thực hiện lễ này.

- *Lễ Kỳ Yên*: Từ tháng 2 đến tháng 3 Âm lịch hàng năm, đồng bào Sán Dìu thường làm lễ Kỳ Yên. Vào dịp này, cả làng phải thực hiện kiêng kỵ, cấm bừa ở 4 góc làng, cử người canh gác, mổ lợn làm lễ tống tiễn ma xấu ra khỏi làng, mong muốn dân làng được khỏe mạnh, mùa màng được bội thu. Nếu ai không để ý mà về làng trong dịp này thì phải để vật thể mình bên ngoài làng. Tục Kỳ Yên có thể làm đại Kỳ Yên diễn ra trong 5 ngày, tiểu Kỳ Yên từ 2 đến 3 ngày (Nịnh Văn Độ và cộng sự, 2003).

- *Các kiêng kỵ trong gieo trồng lúa*: Khi cấy lúa, người Sán Dìu kiêng cấy ngày 6, 8, 22, 23 (tháng đủ 30 ngày theo Âm lịch) và ngày 8, 11, 17, 19 (tháng thiếu - 29 ngày). Họ thường chọn các ngày 1, 4, 5, 9, 10, 18, 29 để bắt đầu cấy lúa vì họ cho rằng, cấy vào những ngày đó thì sâu bọ không ăn phá lúa. Người Sán Dìu còn quan niệm cấy ngày Giáp Ngọ và Quý Hợi thì chim chuột không phá hoại mùa màng, còn cấy những ngày Ất Sửu, Ất Hợi, Ất Mùi, Kỷ Hợi, Nhâm Dần, Quý Mão, Nhâm Tý thì các loại sâu, kể cả sâu cuốn lá, không ăn lúa. Bên cạnh đó,

ngày 14 tháng 7 âm lịch được coi là ngày lúa phơi màu nên không ai được phép ra đồng vì sợ lúa thẹn, không ra đồng. Ngoài ra, khi lúa trở bông, không được làm những việc sau: cắt cỏ, mang mèo qua ruộng lúa, đi lấy chổi xể. Thu hoạch xong, khi chuẩn bị bữa cơm mới đầu tiên, đồng bào sàng gạo nhưng không sàng hết thóc để khi gia đình ngồi quây quần ăn bữa này đều thấy thóc rất nhiều và sẽ nói: “*Thóc nhiều thế*” với mong muốn mùa sau sẽ được nhiều thóc hơn.

- *Ăn cơm mới*: Vào tháng 8, các gia đình đều có một bữa ăn cơm mới. Sau khi cúng ở đình về, người Sán Dìu trải chiếu xuống đất ngồi ăn, bữa này không ăn độn, không chan canh vào cơm gạo mới, sợ mưa trôi hết thóc và làm thóc mọc mầm. Đồng thời, lễ đó còn để tạ ơn tổ tiên đã phù hộ cho gia đình có một vụ mùa tốt.

### **Kết luận**

Tri thức địa phương trong sử dụng và bảo vệ ruộng nước của người Sán Dìu rất đa dạng, phản ánh sự thích nghi với điều kiện sản xuất vùng trung du. Khi sản xuất còn mang tính tự cung tự cấp, tri thức địa phương đóng vai trò hết sức quan trọng đối với phát triển sản xuất. Chúng được hình thành, phát triển ngay trong mỗi người dân, mỗi gia đình, mỗi làng bản. Những tri thức ấy luôn được chọn lọc và phát triển để phù hợp với điều kiện mới của địa phương. Do đó, chúng là tài sản hết sức quý giá, góp phần làm phong phú thêm kho tàng kinh nghiệm sản xuất của người Sán Dìu nói riêng, văn hóa Việt Nam nói chung.

Ngày nay, các tiến bộ khoa học kỹ thuật như phân bón hóa học, thuốc trừ sâu,

bê tông hóa kênh mương, giống cây trồng mới... đã có những hỗ trợ đắc lực trong phát triển sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, sự ứng dụng các tiến bộ này chưa làm mất đi vai trò và giá trị của tri thức địa phương trong sản xuất, đặc biệt là trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên ruộng nước. Trên thực tế, một số tri thức như chọn đất, làm đất, chọn giống, gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch lúa... vẫn tiếp tục khẳng định và phát huy tác dụng của chúng. Ngoài ra, thực tiễn cuộc sống và sản xuất của người Sán Dìu cũng đã làm sáng tỏ tính thích ứng cao của đồng bào với các điều kiện sống thay đổi để hướng đến sự phát triển và góp phần khẳng định tầm quan trọng của sự kết hợp của hai hệ thống tri thức hiện đại và truyền thống trong sản xuất và xóa đói giảm nghèo ở cộng đồng dân tộc thiểu số và vùng miền núi.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Ma Khánh Bằng (1983), *Người Sán Dìu ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Diệp Trung Bình (2008), *Văn hóa ẩm thực của người Sán Dìu*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Diệp Trung Bình (2011), *Tri thức dân gian trong chu kỳ đời người Sán Dìu ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Lê Trọng Cúc (1996), “Vai trò của tri thức địa phương trong phát triển bền vững vùng cao”, trong: Trần Đức Viên, Phạm Chí Thành và tập thể tác giả (1996), *Nông nghiệp trên đất dốc, thách thức và tiềm năng*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Ninh Văn Độ, Nguyễn Phi Khanh, Hoàng Thế Hùng (2003), *Văn hoá truyền thống các dân tộc Tày, Dao, Sán Dìu ở Tuyên Quang*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
6. Nguyễn Xuân Hồng (2003), “Kiến thức bản địa trong canh tác nương rẫy của dân tộc thiểu số ở xã Hồng Hạ (huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 3-11.
7. Nguyễn Thị Quế Loan, (2008), *Tập quán ăn uống của người Sán Dìu ở Thái Nguyên*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Hà Nội.
8. Nguyễn Ngọc Thanh, Trần Hồng Thu (Chủ biên) (2009), *Tri thức địa phương của người Mường trong sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Ngọc Thanh (Chủ biên) (2011), *Văn hóa truyền thống dân tộc Sán Dìu ở Tuyên Quang*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Ngô Đức Thịnh (2000), “Luật tục và việc bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, Số 4, tr. 8-16.
11. Ngô Văn Trụ, Nguyễn Xuân Càn (2003), *Dân tộc Sán Dìu ở Bắc Giang*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
12. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.